

Bản án số: 124/2021/DS-PT
Ngày: 27 - 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi
và hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Bùi Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DSST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2021/QĐPT-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị P; Cư trú tại: Ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Anh Lê Văn T.

2. Chị Lê Thị X.

Cùng cư trú tại: Ấp Q (nay là ấp H), xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị P trình bày:

Chị là đầu thảo hụi còn anh T và chị X là hụi viên của 04 dây hụi và chị có cho anh T và chị X mượn tiền hụi của 02 dây hụi cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mở ngày 19/10/2015 âl, mãn hụi ngày 19/7/2020 âl, loại hụi lúa nhưng quy ra tiền là 3.000.000 đồng, bốn tháng khui hụi một lần, gồm 15 hụi viên, hoa hồng cho đầu thảo là 1.200.000đ/lần khui hụi, anh T và chị X tham gia một phần và đóng được 03 lần hụi sống đến lần khui hụi thứ 04 thì anh T và chị X hốt hụi. Sau khi hốt hụi, anh T và chị X đóng lại cho chị được 5 lần hụi chết còn lại 06 lần hụi chết thì anh T và chị X không đóng nên chị đã choàng hụi cho anh T và chị X 06 lần hụi chết là 18.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi mở ngày 19/02/2016 âl, mãn hụi ngày 19/10/2020 âl, loại hụi lúa nhưng quy ra tiền là 10.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, gồm 15 hụi viên, tiền hoa hồng cho đầu thảo là 4.000.000đ/lần khui hụi, anh T và chị X tham gia hai phần cụ thể:

- Phần thứ nhất: Anh T và chị X hốt hụi ở lần khui hụi đầu tiên. Sau khi hốt hụi, anh T và chị X đóng lại cho chị được 10 lần hụi chết, còn lại 04 lần hụi chết thì anh T và chị X không đóng nên chị đã choàng hụi cho anh T và chị X 04 lần hụi chết là 40.000.000 đồng.

- Phần thứ hai: Anh T và chị X đóng được 03 lần hụi sống đến lần khui hụi thứ 04, anh T và chị X hốt hụi. Sau khi hốt hụi, anh T và chị X đóng lại cho chị được 06 lần hụi chết, còn lại 04 lần hụi chết thì anh T và chị X không đóng nên chị đã choàng hụi cho anh T và chị X 04 lần hụi chết là 40.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi mở ngày 12/02/2017 âl, mãn hụi ngày 12/02/2022 âl, dây hụi này do chị tham gia góp hụi, loại hụi lúa nhưng quy ra tiền là 5.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, gồm 15 hụi viên, tiền hoa hồng cho đầu thảo là 2.000.000đ/lần khui hụi. Chị đóng được 02 lần hụi sống, đến lần khui hụi thứ 03 thì chị hốt hụi được số tiền là 49.000.000đ. Sau khi hốt hụi xong, chị cho anh T và chị X mượn lại số tiền hụi của chị là 49.000.000đ, sau đó chị phải đóng lại 13 lần hụi chết là 65.000.000đ và cộng thêm 02 lần hụi sống mà chị đã đóng 10.000.000đ tổng cộng là 75.000.000 đồng.

Dây 4: Hội mở ngày 27/6/2017 âl, mần hội ngày 27/11/2021 âl, loại hội lúa nhưng quy ra tiền là 5.000.000đ, bốn tháng khui hội một lần, gồm 14 hội viên, tiền hoa hồng cho đầu thảo là 2.000.000đ/lần khui hội, anh T và chị X tham gia một phần. Anh T và chị X đóng được 08 lần hội sống đến lần khui hội thứ 09 thì anh T và chị X hốt hội. Sau khi hốt hội, anh T và chị X không đóng tiền hội chết nên chị đã choàng hội cho anh T và chị X 05 lần hội chết là 25.000.000 đồng.

Dây 5: Hội mở ngày 19/11/2017 âl, mần hội ngày 19/01/2020 âl, dây hội này do chị tham gia, loại hội tiền là 2.000.000đ, một tháng khui hội một lần, gồm 26 hội viên, tiền hoa hồng cho đầu thảo là 800.000đ/lần khui hội. Chị đóng được 10 lần hội sống đến lần khui hội thứ 11 thì chị hốt hội được số tiền là 44.000.000đ. Sau khi chị hốt hội xong thì chị cho anh T và chị X mượn lại số tiền hội của chị là 44.000.000đ, sau đó chị phải đóng lại 15 lần hội chết là 30.000.000đ và cộng thêm 10 lần hội sống là 20.000.000đ tổng cộng là 50.000.000 đồng.

Dây 6: Hội mở ngày 19/9/2018 âl, mần hội ngày 12/20/2019 âl, loại hội tiền là 5.000.000đ, một tháng khui hội một lần, gồm 13 hội viên, tiền hoa hồng cho đầu thảo là 2.000.000đ/lần khui hội, anh T và chị X tham gia một phần. Anh T và chị X đóng được 05 lần hội sống đến lần khui hội thứ 06 thì anh T và chị X hốt hội. Sau khi hốt hội, anh T và chị X đóng lại cho chị được 05 lần hội chết còn lại 03 lần hội chết thì anh T và chị X không đóng nên chị đã choàng hội cho anh T và chị X 03 lần hội chết là 15.000.000 đồng.

Ngoài ra vào tháng 02 năm 2020 âl, chị cho anh T và chị X vay 4.500.000 đồng. Sau đó chị có đến gặp anh T và chị X để yêu cầu anh T và chị X trả tiền nợ hội và tiền vay cho chị nhưng anh T và chị X không trả cho chị.

Nay chị Phượng yêu cầu anh Lê Văn T và chị Lê Thị X phải trả cho chị P số tiền nợ hội là 263.000.000 đồng và tiền vay là 4.500.000 đồng. Tổng cộng là 267.500.000 đồng.

Tại bản khai ý kiến ngày 12/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị X trình bày:

Chị thống nhất theo lời trình bày của chị P, chị là hội viên còn chị P là đầu thảo hội của 04 dây hội và chị có mượn tiền hội của chị P 02 dây hội với số tiền nợ hội là 263.000.000đ và tiền vay là 4.500.000đ, tổng cộng tiền hội và tiền vay là 267.500.000 đồng. Nay chị P yêu cầu chị và chồng chị là anh T phải trả cho chị P số tiền nợ hội là 263.000.000đ và tiền vay là 4.500.000đ. Tổng cộng là 267.500.000đ thì chị đồng ý, chị yêu cầu anh T cùng có nghĩa vụ trả tiền nợ hội và tiền vay cho chị P với chị vì chị sử dụng tiền hốt hội và tiền vay trong thời

gian chị và anh T chung sống với nhau việc chị tham gia góp hụi của chị P thì anh T biết và chị có nói lại anh T, chị sử dụng tiền hốt hụi và tiền vay của chị P để chăn nuôi heo và buôn bán dừa để phục vụ chung cho gia đình nhưng do chăn nuôi heo và buôn bán lỗ nên chị không có tiền để đóng tiền hụi chết và trả tiền vay lại cho chị P.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DSST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị P. Buộc anh Lê Văn T và chị Lê Thị X phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Đặng Thị P số tiền nợ hụi là 263.000.000đ và tiền vay là 4.500.000đ. Tổng cộng là 267.500.000 đồng.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, bị đơn anh Lê Văn T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc chị X có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi và tiền vay cho chị P. Không đồng ý liên đới cùng chị X trả số tiền 267.500.000 đồng cho chị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh T cho rằng khi chị X chơi hụi, mượn tiền của chị P thì anh biết nhưng chị X không nói rõ cụ thể số tiền bao nhiêu, chi xài vào việc gì, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình do chị X chi xuất. Tuy nhiên, từ tháng 3 năm 2020 đến nay anh chị không còn sống chung nên anh không đồng ý liên đới cùng chị X trả số tiền 267.500.000 đồng cho chị Phượng.

Chị X xác định thời điểm hốt hụi, mượn tiền của chị P phát sinh trong thời gian vợ chồng sống chung. Số tiền trên chị sử dụng làm vốn làm ăn, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên yêu cầu anh T liên đới cùng chị trả số tiền 267.500.000 đồng cho chị P.

Chị Phượng xác định các dây hụi số 4, hụi mở ngày 27/6/2017 âl, mãn hụi ngày 27/11/2021 âl, loại hụi lúa nhưng quy ra tiền là 5.000.000đ. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa mãn nhưng đến thời điểm xét xử phúc thẩm thì hụi đã

mãn chị đã đóng thay cho chị X, anh T 3 lần tương đương 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm chị yêu cầu chị X, anh T trả 25.000.000 đồng đến khi mãn hạn và được án sơ thẩm chấp nhận. Tại phiên tòa, chị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng chưa phát sinh nghĩa vụ. Chỉ yêu cầu anh T chị X trả số tiền đây hạn trên 15.000.000 đồng. Chị X đồng ý với việc thay đổi yêu cầu trên của chị P. Còn anh T thì không có ý kiến. Chị P yêu cầu chị X, anh T liên đới trả tiền nợ hạn bằng 253.000.000 đồng và tiền nợ vay 4.500.000 đồng, tổng cộng bằng 257.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của anh T. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền hạn 10.000.000 đồng của đây hạn số 4, hạn mở ngày 27/6/2017 âm, mãn hạn ngày 27/11/2021 âm, loại hạn lúa nhưng quy ra tiền là 5.000.000đ. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy định chỉ một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền hạn 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng chị X trả nợ cho chị P số tiền nợ hạn và nợ vay, lý do trong thời gian vợ chồng sống chung, chị X tham gia chơi hạn, mượn tiền của chị P thì anh biết nhưng chị X không nói rõ cho anh biết cụ thể số tiền bao nhiêu. Tại phiên tòa, anh thừa nhận mọi việc chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình đều do chị X chi xuất. Anh, chị hành nghề mua bán dưa và chăn nuôi heo nhưng việc kinh doanh không hiệu quả và thua lỗ dẫn đến nợ nần. Hiện nay anh không còn khả năng chi trả nên không đồng ý liên đới cùng chị X trả số tiền trên. Mặt khác, từ tháng 3 năm 2020 đến nay anh, chị không còn sống chung nữa nên anh không đồng ý liên đới cùng chị X trả số tiền 257.500.000 đồng cho chị P. Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì các giao dịch do một bên vợ hoặc chồng thực hiện mà nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì giao dịch đó là nghĩa vụ chung của vợ chồng. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P và buộc anh T liên đới cùng chị X trả số tiền hạn và tiền vay cho chị P là có cơ sở. Vì vậy, anh

T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng chị X trả cho chị P số tiền hui, tiền vay là không có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về số tiền nợ hui: Chị P xác định dây hui số 4, mở ngày 27/6/2017 al, mẫn hui ngày 27/11/2021 al (tức ngày 30/12/2021 dl), loại hui lúa quy ra thành tiền 5.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm chị yêu cầu chị X, anh T trả số tiền 25.000.000 đồng đến khi mẫn hui và được án sơ thẩm chấp nhận. Tại phiên tòa, chị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng chưa phát sinh nghĩa vụ và chỉ yêu cầu anh T chị X trả số tiền dây hui trên là 15.000.000 đồng. Chị X đồng ý với việc rút một phần yêu cầu trên của chị P. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật và được chị X đồng ý, còn anh T thì không có ý kiến. Do đó, căn cứ Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền hui 10.000.000 đồng thuộc dây hui số 4, hui mở ngày 27/6/2017 al, mẫn hui ngày 27/11/2021 al (tức ngày 30/12/2021 dl), loại hui lúa quy ra thành tiền là 5.000.000 đồng.

[3] Chị X thừa nhận chị tham gia 04 dây hui do chị P làm đầu thảo và mượn tiền hốt hui 02 dây hui của chị P. Đến ngày 19/02/2020, chị P và chị X chốt lại số tiền chị X còn thiếu chị P là 271.500.000 đồng, thỏa thuận này được lập bằng hợp đồng tiền hui, có chữ ký của chị P, chị X và con chị X là Lê Thanh N. Chị X thừa nhận tại thời điểm lập hợp đồng thì một số dây hui chị tham gia chưa mẫn nhưng do chị mất khả năng chi trả nên lập hợp đồng thỏa thuận với chị P nhờ chị P đóng thay chị đến khi mẫn các dây hui do chị tham gia, đến khi nào có tiền chị sẽ trả lại.

Tại phiên tòa, chị P, chị X thừa nhận các dây hui do chị X tham gia và hui do chị P tham gia nhưng chị X mượn hui. Sau khi hốt hui chị X không thực hiện đóng hui chết, chị P đã đóng thay đến khi xét xử phúc thẩm tổng 6 dây hui bằng số tiền 253.000.000 đồng và số tiền vay 4.500.000 đồng. Tổng cộng hai khoản tiền bằng 257.500.000 đồng. Do đó, chị P khởi kiện yêu cầu chị X, anh T liên đới trả cho chị số tiền nợ hui, vay tổng cộng bằng 257.500.000 đồng và được án sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại.

Chị X, anh T phải nộp án phí đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phượng được chấp nhận: $257.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.875.000 \text{ đồng}$.

Do sửa án sơ thẩm nên anh Trạng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 299; khoản 2, khoản 4 Điều 308 và Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DSST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 463, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 16 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Điều 24, Điều 25, Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị P về việc yêu cầu chị Lê Thị X, anh Lê Văn T trả tiền hội, tiền vay.

Buộc chị Lê Thị X, anh Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đặng Thị P số tiền hội 253.000.000 đồng và tiền vay 4.500.000 đồng. Tổng cộng bằng 257.500.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Hủy và đình chỉ giải quyết một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền hội 10.000.000 đồng thuộc dây hội số 4, hội mở ngày 27/6/2017 al, mãn hội ngày 27/11/2021 al (tức ngày 30/12/2021 dl), loại hội lúa quy ra thành tiền 5.000.000 đồng.

3. Án phí:

Chị Đặng Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị P 6.687.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 8773 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Lê Thị X, anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.875.000 đồng.

Anh Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 9120 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc anh T, chị X nộp tiếp số tiền 12.575.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.VL: 01;
- VKSND H.VL: 01;
- Chi Cục THADS H.VL: 01;
- Dương sự: 03;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca